

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01a – CTQ)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02a – CTQ)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03a – CTQ)	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B05a - CTQ)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B09a – CTQ)	10

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013
Số 13/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 6 năm 2014
Số 26/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 9 năm 2015
Số 03/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 4 năm 2016
do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ban Điều hành

Ông Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Chủ tịch Công ty
Bà Lê Thị Hồng Thái	Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty
------------------	------------------

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ Chubb Life là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Trụ sở chính

Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower,
115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành của Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, Ban Điều hành của Công ty phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 25. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành *HL*



HL
Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ Chubb Life (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2017 và được Ban Điều hành Công ty phê duyệt ngày 11 tháng 8 năm 2017. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam; và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tình hình biến động vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2014-006-1

Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo soát xét: HCM6359
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 3.1 của báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, tình hình biến động vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

Mẫu số B01a – CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		29.544.541.770	28.245.859.699
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	1.368.653.027	2.406.674.802
111	Tiền		1.368.653.027	2.406.674.802
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		26.500.000.000	25.000.000.000
128	Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	5.2	26.500.000.000	25.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.629.335.419	811.571.118
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.3	658.037.103	-
135	Các khoản phải thu khác	5.4(a)	971.298.316	811.571.118
150	Tài sản ngắn hạn khác		46.553.324	27.613.779
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		46.553.324	27.613.779
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		516.137.124	711.275.801
210	Các khoản phải thu dài hạn		190.252.000	144.912.000
216	Phải thu dài hạn khác	5.4(b)	190.252.000	144.912.000
220	Tài sản cố định		217.604.079	377.093.342
221	Tài sản cố định hữu hình	5.5(a)	79.450.479	204.401.342
222	Nguyên giá		1.036.154.349	1.036.154.349
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(956.703.870)	(831.753.007)
227	Tài sản cố định vô hình	5.5(b)	138.153.600	172.692.000
228	Nguyên giá		345.384.000	345.384.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(207.230.400)	(172.692.000)
260	Tài sản dài hạn khác		108.281.045	189.270.459
261	Chi phí trả trước dài hạn		10.624.376	46.747.869
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.12(b)	97.656.669	142.522.590
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		30.060.678.894	28.957.135.500

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		961.300.252	1.165.674.391
310	Nợ ngắn hạn		961.300.252	1.165.674.391
312	Phải trả người bán ngắn hạn		-	181.174
314	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	5.6	219.163.846	240.973.583
315	Phải trả người lao động		253.408.643	206.811.000
316	Chi phí phải trả	5.7	488.283.351	712.612.954
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7(b)	444.412	5.095.680
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		29.099.378.642	27.791.461.109
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		29.099.378.642	27.791.461.109
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.000.000.000	26.000.000.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		154.968.932	89.573.055
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		154.968.932	89.573.055
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.789.440.779	1.612.314.999
420a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.612.314.999	92.867.978
420b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.177.125.780	1.519.447.021
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		30.060.678.894	28.957.135.500



Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc



Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty
Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày		
		30.6.2017 VND	30.6.2016 VND	
01	Doanh thu	5.8	3.737.108.083	2.873.542.327
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		3.737.108.083	2.873.542.327
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.9	(1.172.815.218)	(974.910.193)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		2.564.292.865	1.898.632.134
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.10	888.788.048	764.069.586
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.11	(1.818.183.995)	(1.830.086.905)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.634.896.918	832.614.815
32	Chi phí khác		-	(2.799.022)
40	Chi phí khác, thuần		-	(2.799.022)
50	Lợi nhuận kế toán trước thuế		1.634.896.918	829.815.793
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.12(a)	(282.113.464)	(158.724.537)
52	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.12(b)	(44.865.921)	(7.238.621)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.307.917.533	663.852.635



 Đỗ Thị Thu Nguyệt
 Người lập/Kế toán trưởng



 Lê Thị Hồng Thái
 Giám đốc



 Lâm Hải Tuấn
 Chủ tịch Công ty
 Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lãi trước thuế	1.634.896.918	829.815.793
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	5.5 159.489.263	210.303.185
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	(888.788.048)	(764.069.586)
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	905.598.133	276.049.392
09	Tăng các khoản phải thu	(701.274.587)	(682.961.784)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(184.179.073)	13.504.194
12	Giảm chi phí trả trước	17.183.948	85.047.022
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5.6 (302.308.530)	(143.809.893)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(264.980.109)	(452.171.069)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
25	Tiền chi để đầu tư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(1.500.000.000)	(1.000.000.000)
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi	726.958.334	637.505.555
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(773.041.666)	(362.494.445)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1.038.021.775)	(814.665.514)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2.406.674.802	2.927.886.359
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.368.653.027	2.113.220.845



Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc



Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty
Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

Mẫu số B05a – CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	26.000.000.000	5.159.332	5.159.332	92.867.978	26.103.186.642
Vốn tăng trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.688.274.467	1.688.274.467
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 4.11)	-	84.413.723	84.413.723	(168.827.446)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	26.000.000.000	89.573.055	89.573.055	1.612.314.999	27.791.461.109
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.307.917.533	1.307.917.533
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 4.11)	-	65.395.877	65.395.877	(130.791.753)	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	26.000.000.000	154.968.932	154.968.932	2.789.440.779	29.099.378.642



Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc



Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ Chubb Life (tên trước đây là Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life) (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có thời hạn là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép thành lập và hoạt động đầu tiên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2014, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 13/GPĐC-UBCK để thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Ngày 21 tháng 9 năm 2015, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 26/GPĐC-UBCK để tăng vốn điều lệ lên 26.000.000.000 đồng Việt Nam.

Ngày 4 tháng 4 năm 2016, căn cứ vào Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 03/GPĐC-UBCK được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đổi tên từ Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life thành Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ Chubb Life.

Công ty là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được sở hữu toàn bộ bởi Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 10 nhân viên (31 tháng 12 năm 2016: 11 nhân viên).

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (tiếp theo)

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo đơn vị đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, tình hình biến động vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba (3) tháng.

4.2 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban điều hành đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền thuê văn phòng trả trước, công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy phép thành lập và hoạt động nếu ngắn hơn. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nâng cấp văn phòng	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.5 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.7 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4.8 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.9 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.10 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ bao gồm phí quản lý và phí thưởng hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi được hưởng theo Điều lệ Quỹ. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Liên kết chung, Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Chủ hợp đồng có tham gia chia lãi và Quỹ Chủ hợp đồng không tham gia chia lãi của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam (“Quỹ”). Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ các Quỹ này. Phí này được tính hàng tháng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

4.11 Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

4.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê văn phòng; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.13 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.14 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt như giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****4.15 Trích lập các quỹ**

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước. Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, hằng năm Công ty phải trích lập cho mỗi quỹ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được ghi nhận vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

4.16 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011, hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Tiền mặt tại quỹ	3.000.000	3.000.000
Tiền gửi ngân hàng	1.365.653.027	2.403.674.802
	1.368.653.027	2.406.674.802
	1.368.653.027	2.406.674.802

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5.3 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 7(b))	658.037.103	-
	658.037.103	-
	658.037.103	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	962.481.944	806.938.888
Phải thu khác	8.816.372	4.632.230
	<u>971.298.316</u>	<u>811.571.118</u>

(b) Phải thu dài hạn khác

Các khoản phải thu dài hạn khác là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng.

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND	Nâng cấp văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2017	467.902.325	568.252.024	1.036.154.349
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	(361.015.524)	(470.737.483)	(831.753.007)
Khấu hao trong kỳ	(77.983.722)	(46.967.141)	(124.950.863)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(438.999.246)</u>	<u>(517.704.624)</u>	<u>(956.703.870)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>106.886.801</u>	<u>97.514.541</u>	<u>204.401.342</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>28.903.079</u>	<u>50.547.400</u>	<u>79.450.479</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 397.549.292 đồng (2016: 0 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2017	345.384.000
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	(172.692.000)
Khấu hao trong kỳ	(34.538.400)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	(207.230.400)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	172.692.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	138.153.600

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng.

5.6 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày	
	30.6.2017	31.12.2016
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	195.441.043	215.636.109
Thuế thu nhập cá nhân	23.722.803	25.337.474
	219.163.846	240.973.583

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.6 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong kỳ của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1. 2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	215.636.109	282.113.464	(302.308.530)	195.441.043
Thuế thu nhập cá nhân	25.337.474	295.034.629	(296.649.300)	23.722.803
	<u>240.973.583</u>	<u>577.148.093</u>	<u>(598.957.830)</u>	<u>219.163.846</u>

5.7 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Chi phí tiền lương	334.666.477	557.162.954
Khác	153.616.874	155.450.000
	<u>488.283.351</u>	<u>712.612.954</u>

5.8 DOANH THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh 7(a))	<u>3.737.108.083</u>	<u>2.873.542.327</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.9 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017	30.6.2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	795.592.569	636.408.920
Chi phí thuê văn phòng	283.741.700	222.604.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.200.869	48.426.193
Chi phí bảo trì phần mềm	-	25.500.000
Các chi phí khác	46.280.080	41.970.280
	<u>1.172.815.218</u>	<u>974.910.193</u>

5.10 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Toàn bộ doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ là lãi tiền gửi nhận được.

5.11 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017	30.6.2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.074.891.514	1.168.923.879
Chi phí thuê và tiện ích văn phòng	329.540.530	271.065.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	124.950.863	175.764.785
Chi phí công cụ dụng cụ	27.995.994	55.083.637
Chi phí khác	260.805.094	159.248.824
	<u>1.818.183.995</u>	<u>1.830.086.905</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.12 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH VÀ HOÃN LẠI****(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017	30.6.2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.634.896.918	829.815.793
Thuế tính ở thuế suất áp dụng 20%	326.979.385	165.963.158
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>326.979.385</u>	<u>165.963.158</u>
Thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	282.113.464	158.724.537
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	44.865.921	7.238.621
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>326.979.385</u>	<u>165.963.158</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán 6 tháng được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

(b) Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Tại ngày	
	30.6.2017	31.12.2016
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	<u>97.656.669</u>	<u>142.522.590</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

5.12 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH VÀ HOÃN LẠI (tiếp theo)

(b) Tài sản thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Biến động của tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2017 VND	Năm tài chính 31.12.2016 VND
Số đầu kỳ/năm	142.522.590	92.358.000
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ/năm	(44.865.921)	50.164.590
Số cuối kỳ/năm	<u>97.656.669</u>	<u>142.522.590</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các chi phí phải trả.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro tín dụng; và
- Rủi ro thanh khoản

Ban Điều hành của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Điều hành xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Điều hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro giá

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không có bất cứ khoản vay nào.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Ban điều hành của Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm các khoản ngắn hạn với số tiền là 961.300.252 đồng Việt Nam (tại ngày 31.12.2016: 1.165.674.391 đồng Việt Nam) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn một năm.

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam, sở hữu 100% vốn của Công ty.

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017	30.06.2016
	VND	VND
<i>i) Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.8)</i>		
Công ty mẹ - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	3.737.108.083	2.873.542.327
<i>ii) Giao dịch khác</i>		
Thu hộ công ty mẹ - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	5.223.714	11.442.695
<i>iii) Các khoản chi cho Ban Điều hành</i>		
Lương và các quyền lợi khác	1.019.487.697	885.507.526

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

Mẫu số B09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Phải thu hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh 5.3) Công ty mẹ - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	658.037.103	-
Các khoản phải trả khác Công ty mẹ - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	444.412	1.249.000

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG


Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Dưới 1 năm	572.040.000	445.209.600
Từ 1 đến 5 năm	4.767.000.000	148.403.200
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	5.339.040.000	593.612.800

9 THUYẾT MINH VỀ TÍNH THỜI VỤ

Công ty không có các hoạt động kinh doanh mang tính thời vụ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Điều hành của Công ty phê duyệt ngày 11 tháng 8 năm 2017.


Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng


Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc


Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty

